

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC SƠN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Minh Loan

Ông Ngô Thắng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn N Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Blúp Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân - gia đình thụ lý số 480/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo nhận hồ sơ vụ án số 06/2023/TB-TA ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thúy H, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Số 80, đường P, phường 19, quận B, Thành phố H, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Huy Nguyễn H1, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Số 80, đường P, phường 19, quận B, Thành phố H.

Địa chỉ tạm trú: Thôn 4, xã Đ, huyện P, tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2023, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Phan Thị Thúy H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị Thúy H và ông Lê Huy Nguyễn H1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường 19, quận B, Thành phố H vào năm 2013. Quá trình sống chung 05 năm đầu hạnh phúc. Từ năm 2019 trở đi, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do có sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Ông H1 gia trưởng, ghen tuông, thường nói những câu xúc phạm và đánh đập bà H, sau nhiều lần khuyên giải nhưng không được, vợ chồng không còn tiếng nói chung và mỗi người tự có cuộc sống cho riêng mình. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ được nữa nên bà H xin được ly hôn với ông Lê Huy Nguyễn H1.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Phan Thị Thúy H và ông Lê Huy Nguyễn H1 có 02 con chung là cháu Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 25/6/2012 và Lê Hoàng Phúc T, sinh ngày 08/11/2017. Tại đơn xin ly hôn bà H nhận nuôi cháu Lê Hoàng Phúc T, còn cháu Lê Hoàng Bảo N giao cho ông H1, bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Tại bản thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con ngày 23/6/2023, bà H nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng hai con và đồng ý ông Lê Huy Nguyễn H1 cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Bảo N mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Thúy H và ông Lê Huy Nguyễn H1 không có.

Bà H làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Huy Nguyễn H1 trình bày:

Ông Lê Huy Nguyễn H1 và bà Phan Thị Thúy H tự nguyện đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận và có hai đứa con, nhưng kể từ thời điểm dịch bệnh Covid - 19 bùng phát, kinh tế khó khăn, nên vợ chồng bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 6/2022 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đến tháng 7/2022, ông H1 đến thôn 4, xã Đ, huyện P, tỉnh Q làm công nhân cho đến nay. Hiện nay, bà H xin ly hôn thì ông H1 đồng ý, do tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Huy Nguyễn H1 đồng ý để bà H chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Hoàng Bảo N và Lê Hoàng Phúc T. Ông H1 cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Bảo N mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Phúc T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Lê Huy Nguyễn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Huy Nguyễn H1 và bà Phan Thị Thúy H không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa; Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của Nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt của bà H là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.
- *Về con chung:* Giao cháu Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 25/6/2012 và Lê Hoàng Phúc T, sinh ngày 08/11/2017 cho bà H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.
- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Lê Huy Nguyễn H1 và bà Phan Thị Thúy H, ông H1 cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Bảo N mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H1 cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Phúc T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.
- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Lê Huy Nguyễn H1 và bà Phan Thị Thúy H không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H giải quyết cho ly hôn ông Lê Huy Nguyễn H1. Tuy nhiên, qua xác minh thì ông H1 hiện đang làm công nhân cho Công ty vàng Phước Sơn và đăng ký tạm trú tại thôn 4, xã Đ, huyện P, tỉnh Q. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng qui định của pháp luật. Xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Phan Thị Thúy H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Lê Huy Nguyễn H1 thống nhất với các tài liệu, chứng cứ mà bà Phan Thị Thúy H cung cấp cho Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thúy H và ông Lê Huy Nguyễn H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường 19, quận B, Thành phố H vào năm 2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn bà H và ông H1 chung sống hòa thuận hạnh phúc được 05 năm, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do dịch bệnh Covid - 19 bùng phát, kinh tế khó khăn, nên vợ chồng bất đồng quan điểm. Tháng 6/2022, mâu thuẫn trầm trọng đến 7/2022, thì ông H1 đến làm công nhân cho Công ty vàng Phước Sơn đến nay, ông H1 không về nhà, vợ chồng không có sự quan tâm trao đổi với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định bà H và ông H1 đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, do vậy tình trạng hôn nhân của bà H và ông H1 đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn ông H1 là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Phan Thị Thúy H và ông Lê Huy Nguyễn H1 có 02 con chung là cháu Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 25/6/2012 và Lê Hoàng Phúc T, sinh ngày 08/11/2017. Theo nguyện vọng của cháu N muốn ở với mẹ còn cháu T còn nhỏ, bà H nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng hai con là phù hợp với nguyện vọng của con, nên giao cháu Lê Hoàng Bảo N và cháu Lê Hoàng Phúc T cho bà H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị Thúy H và ông Lê Huy Nguyễn H1 thỏa thuận ông Lê Huy Nguyễn H1 cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 25/6/2012 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa ông Lê Huy Nguyễn H1 nhận cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Phúc T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Xét thấy, Việc ông H1 cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Phúc T là tự nguyện và không trái với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà Phan Thị Thúy H và ông Lê Huy Nguyễn H1 không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Phan Thị Thúy H và ông Lê Huy Nguyễn H1 không có nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b

khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phan Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân gia đình, còn ông Lê Huy Nguyễn H1 phải chịu 50% mức án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 41, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị Thúy H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Phan Thị Thúy H được ly hôn ông Lê Huy Nguyễn H1.

2. *Về con chung:* Giao cháu Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 25/6/2012 và Lê Hoàng Phúc T, sinh ngày 08/11/2017 cho bà Phan Thị Thúy H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông Lê Huy Nguyễn H1 cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 25/6/2012 mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Phúc T, sinh ngày 08/11/2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu N và cháu T đủ 18 tuổi.

4. *Về án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con:*

Bà Phan Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019647 ngày 14/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Huy Nguyễn H1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát;
- Chi cục T.H.A;
- Tòa án tỉnh;
- UBND phường 19;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký và đóng dấu)

Phan Thị Lan